

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2018 - 2020**

Thực hiện Quyết định số 565/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020 (sau đây gọi là Quyết định số 565/QĐ-TTg), Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2018 - 2020, với những nội dung sau:

#### **Phần I**

### **ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG HỆ THỐNG TRỢ GIÚP XÃ HỘI TỈNH THANH HÓA GIAI ĐOẠN 2011 - 2017**

Thanh Hóa là tỉnh có diện tích rộng, dân số đông, đối tượng bảo trợ xã hội nhiều. Trong những năm qua, các chính sách an sinh xã hội nói chung và chính sách trợ giúp xã hội nói riêng ở tỉnh đã được triển khai có hiệu quả, góp phần giảm bớt khó khăn cho các đối tượng và ổn định xã hội. Toàn tỉnh có 436.775 người cao tuổi, 227.855 người khuyết tật, 44.008 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; 80.878 hộ nghèo (chiếm 8,34% hộ), 96.162 hộ cận nghèo (chiếm 9,91% hộ), 206.498 đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, 7.430 nghìn người nhiễm HIV, 6.911 người nghiện ma túy, 123 người bán dâm; Hàng năm thiên tai, hỏa hoạn, mất mùa dẫn đến khoảng 25.009 lượt hộ thiếu đói. Hàng nghìn lượt hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lũ đã được hưởng chính sách trợ giúp xã hội đột xuất kịp thời. Kinh phí chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng và trong các cơ sở bảo trợ xã hội trên 900 tỷ đồng/năm. Hơn 100 nghìn lượt hộ nghèo được vay vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, 691.927 người nghèo, dân tộc thiểu số được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, 109.733 người cận nghèo được hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế, có 120.761 học sinh nghèo được miễn giảm học phí, 57.881 lượt học sinh, sinh viên được trợ cấp xã hội, trợ cấp tiền ăn, hỗ trợ lương thực; 129.695 hộ nghèo, hộ chính sách được hỗ trợ tiền điện...

Việc chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện trợ giúp xã hội có sự phân công, phân cấp rõ ràng, có sự phối hợp chặt chẽ, cộng đồng trách nhiệm trong hướng dẫn, bố trí nguồn lực, kiểm tra, giám sát và đánh giá, để tháo gỡ khó khăn, xử lý kịp thời các sai sót và phát sinh mới; Các địa phương đã tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như: hàng năm rà soát, nắm đối tượng cần trợ giúp xã hội trên địa bàn; công tác xác định đối tượng và hướng dẫn xác định đối tượng trợ giúp xã hội phải được thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch, huy động được đại diện nhiều cơ quan, hội, đoàn thể tham gia; đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức huy động nguồn lực; nâng cao hiệu quả thực hiện các

chính sách và chương trình trợ giúp xã hội; tuyên truyền nâng cao nhận thức; giám sát và đánh giá.

Toàn tỉnh có 07 cơ sở trợ giúp xã hội, gồm 04 cơ sở công lập và 03 cơ sở ngoài công lập đang chăm sóc, nuôi dưỡng hơn 1.000 đối tượng, tỷ lệ cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập chiếm 43%. Các cơ sở trợ giúp xã hội đã tiếp nhận, quản lý, chăm sóc và trợ giúp cho nhiều nhóm đối tượng xã hội khác nhau như: đối tượng người khuyết tật, trẻ em mồ côi mất nguồn nuôi dưỡng và trẻ em bị bỏ rơi, người lang thang cơ nhỡ, người cao tuổi cô đơn, người tâm thần... Đối tượng sống trong cơ sở trợ giúp xã hội đã được thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách chăm sóc nuôi dưỡng, với mức tối thiểu theo quy định là 810.000 đồng/tháng, cấp thẻ bảo hiểm y tế, hỗ trợ chi phí mai táng khi chết, cấp vật dụng phục vụ cho sinh hoạt thường ngày, sách, vở, đồ dùng học tập, hưởng chính sách hỗ trợ học mầm non, giáo dục phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học. Các cơ sở trợ giúp xã hội thực hiện tư vấn, hỗ trợ và quản lý ca cho 45.968 người là đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, chiếm 15% (tư vấn 41.725 người, hỗ trợ 1.383 người, quản lý ca 2.860 trường hợp).

Thực hiện Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ngày 25/03/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010-2020, UBND tỉnh đã ban hành quyết định thành lập Trung tâm Cung cấp dịch vụ công tác xã hội; Hiện nay có khoảng trên 3.200 cán bộ làm các công việc có liên quan đến nghề công tác xã hội tại các cấp. Bao gồm, cán bộ các Trung tâm có hoạt động nghề công tác xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; cán bộ làm công tác lao động, thương binh và xã hội từ tỉnh đến cơ sở, cán bộ làm công tác tư pháp, trợ giúp pháp lý các cấp, cán bộ thuộc các tổ chức đoàn thể, hội đặc thù các cấp...; Trường Đại học Hồng Đức đã đưa giáo trình Công tác xã hội vào chương trình giảng dạy chính quy hệ Đại học và hiện đang đào tạo 01 lớp đại học hệ vừa làm vừa học chuyên ngành Công tác xã hội cho 86 cán bộ làm công tác Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh, huyện, xã của tỉnh.

Mô hình Hệ thống bảo vệ trẻ em dựa vào cộng đồng được triển khai thực hiện, đến nay cấp tỉnh và 27/27 huyện, thị xã, thành phố đã thành lập được Ban Điều hành Bảo vệ trẻ em, 389/635 xã, phường, thị trấn đã thành lập được Ban Bảo vệ trẻ em. Thiết lập được 291 điểm tư vấn trường học, 545 điểm tư vấn cộng đồng và mạng lưới cộng tác viên bảo vệ trẻ em ở cơ sở trên 3.420 người. Hệ thống đã phân nào cung cấp được các dịch vụ phòng ngừa, phát hiện sớm, can thiệp sớm giảm thiểu hoặc loại bỏ nguy cơ trẻ em bị xâm hại, bóc lột, sao nhãng và can thiệp sớm đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt hoặc bị xâm hại và giúp các em tái hòa nhập cộng đồng.

Mô hình “Ngôi nhà tạm lánh” cung cấp dịch vụ tạm lánh, hỗ trợ tâm lý, bảo vệ phụ nữ và trẻ em bị bạo lực gia đình đã được thí điểm tại 5 xã tại các huyện Hà Trung, Bim Sơn, Đông Sơn, Như Xuân và thành phố Thanh Hóa, các xã thực hiện thí điểm mô hình đã xây dựng được 11 địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh. Nhà tạm lánh được đặt tại các nhà văn hóa thôn, các địa chỉ này đều nhận được sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, bảo đảm an toàn cho trẻ em và phụ nữ trong tình trạng khẩn cấp; 60% nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới khi phát

hiện được hỗ trợ và can thiệp kịp thời, 50% người gây bạo lực trên cơ sở giới khi phát hiện được tư vấn hoặc có hình thức xử lý phù hợp.

Nhìn chung, kết quả thực hiện trợ giúp xã hội trong những năm qua đã tác động trực tiếp đến đời sống của dân cư, góp phần giảm nghèo, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Hệ thống dịch vụ trợ giúp xã hội ngày càng phát triển đáp ứng tốt hơn nhu cầu chăm sóc đối tượng trợ giúp xã hội. Cơ sở vật chất, điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng của hệ thống các cơ sở dịch vụ trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập được đầu tư, nâng cấp, tạo điều kiện cải thiện và nâng cao chất lượng phục vụ, chăm sóc đối tượng. Đội ngũ cán bộ, nhân viên công tác xã hội được tăng cường, công tác đào tạo, tập huấn về nghề công tác xã hội được quan tâm nên chất lượng dịch vụ được nâng cao.

Tuy nhiên, hệ thống trợ giúp xã hội bước đầu đã hình thành nhưng chưa được hoàn thiện theo cách tiếp cận có hệ thống, đồng bộ, toàn diện, bao phủ hết đối tượng và phát triển các dịch vụ xã hội cơ bản; Công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin pháp luật về trợ giúp xã hội còn hạn chế, chưa vận động thành phong trào toàn dân thường xuyên tham gia hoạt động trợ giúp xã hội nên chưa phát huy được tối đa sức mạnh và huy động nguồn lực xã hội cùng Nhà nước thực hiện mục tiêu trợ giúp xã hội; Việc phối hợp giữa các sở, ngành, đoàn thể liên quan chưa thường xuyên, chặt chẽ, nhất là trong việc chia sẻ thông tin, quản lý đối tượng và trong kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình trợ giúp xã hội.

Các cơ sở trợ giúp xã hội hiện mới chỉ tập trung vào việc nuôi dưỡng tại cơ sở và chưa cung cấp nhiều dịch vụ chăm sóc tại cộng đồng. Cơ sở vật chất của cơ sở trợ giúp xã hội chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, phục hồi chức năng và cung cấp các dịch vụ cho đối tượng bảo trợ xã hội. Cán bộ, nhân viên làm việc tại các cơ sở còn thiếu về số lượng, chưa được đào tạo chuyên nghiệp về công tác xã hội; thiếu kỹ năng và phương pháp chăm sóc khoa học... Do vậy đời sống vật chất, tinh thần của các đối tượng còn nhiều khó khăn. Cơ sở ngoài công lập đa phần hoạt động tự phát, chưa có sự hỗ trợ tích cực của Nhà nước.

Việc cung cấp dịch vụ chăm sóc xã hội ở cộng đồng chưa đáp ứng được nhu cầu của các đối tượng. Các dịch vụ chăm sóc xã hội dựa vào cộng đồng nhìn chung mới được triển khai với quy mô nhỏ lẻ hoặc mang tính chất mô hình thí điểm, còn lại hầu hết các dịch vụ chăm sóc xã hội có tính chất chuyên môn và chuyên sâu chưa được triển khai thực hiện ở cộng đồng. Ngoài ra, các dịch vụ chăm sóc xã hội hiện tại vẫn chủ yếu do hệ thống Nhà nước cung cấp vì vẫn chưa có cơ chế và chính sách cụ thể để khuyến khích khu vực tư nhân và các tổ chức xã hội tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ chăm sóc xã hội.

Nguyên nhân: do kinh tế của tỉnh còn khó khăn, thiên tai xảy ra thường xuyên, gây thiệt hại lớn. Chính sách trợ giúp xã hội chưa đáp ứng nhu cầu của người dân và chưa phù hợp với điều kiện kinh tế; quản lý nhà nước còn chồng chéo, sự phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương chưa chặt chẽ. Công tác thanh tra, kiểm tra ở một số nơi chưa được coi trọng. Nguồn lực thực hiện trợ giúp xã hội còn hạn hẹp, chủ yếu dựa vào ngân sách Nhà nước, chưa động viên, thu hút được nhiều sự tham gia của xã hội và khuyến khích người thụ hưởng chính sách tự vươn lên.

## Phần II MỤC TIÊU VÀ CÁC NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

- Nhằm triển khai có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020, đảm bảo nội dung, tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

- Phát huy tiềm năng, nội lực, lợi thế của tỉnh, tranh thủ tối đa các nguồn lực hỗ trợ của cộng đồng, xã hội phát triển hệ thống trợ giúp xã hội, nâng cao chất lượng công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, tạo môi trường an toàn, lành mạnh cho trẻ em và giảm khoảng cách về bất bình đẳng giới, đồng thời giúp cho các đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, nạn nhân mua bán người... được tiếp cận với các dịch vụ tư vấn hoặc được hỗ trợ thông qua các chế độ, chính sách của Nhà nước.

#### 2. Yêu cầu

- Bám sát các mục tiêu của Kế hoạch, đảm bảo thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và giải pháp được nêu tại Kế hoạch.

- Đảm bảo sự chỉ đạo của các cấp uỷ đảng, chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội của tỉnh.

### II. MỤC TIÊU

#### 1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và phát triển hệ thống trợ giúp xã hội phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tạo môi trường sống an toàn, thân thiện và lành mạnh cho trẻ em; giảm khoảng cách về giới trong các lĩnh vực, ngành có bất bình đẳng giới hoặc có nguy cơ bất bình đẳng giới; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, tuyên truyền lĩnh vực phòng, chống mại dâm, hỗ trợ nạn nhân bị buôn bán trở về, góp phần đảm bảo an sinh, trật tự và an toàn xã hội, hướng tới mục tiêu công bằng và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

#### 2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

- Nâng tỷ lệ cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập lên 55%; Tăng tỷ lệ người có hoàn cảnh khó khăn được tư vấn, hỗ trợ và quản lý ca từ các cơ sở trợ giúp xã hội lên 30%; nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tập huấn kỹ năng cho 50% cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội.

- 80% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc để phục hồi, hòa nhập cộng đồng và có cơ hội phát triển; giảm tỷ lệ gia tăng số trẻ em bị xâm hại; có kế hoạch hỗ trợ, can thiệp 90% trở lên trẻ em có nguy cơ cao bị xâm hại, trẻ em bị xâm hại; 90% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được quản lý, theo dõi.

- 80% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người trong lực lượng vũ trang, sinh viên, học sinh các cấp và 60% người dân được tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới; Ít nhất 70% nữ đại biểu Quốc hội khóa

XIV, nữ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021, nữ cán bộ quản lý lãnh đạo các cấp và 50% nữ cán bộ trong diện quy hoạch (từ cấp phòng trở lên) được trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng quản lý, lãnh đạo và các kỹ năng mềm; 100% cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành, đội ngũ cộng tác viên được tập huấn bổ sung kiến thức, kỹ năng hoạt động về bình đẳng giới; 50% nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới được tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ hỗ trợ; 50% số người gây bạo lực hoặc có nguy cơ cao gây bạo lực được phát hiện, tư vấn.

- 90% người nghiện ma túy khi có quyết định của Tòa án về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được đưa vào cơ sở cai nghiện kịp thời; 90% xã, phường được tuyên truyền về phòng, chống tệ nạn mại dâm; 90% số nạn nhân bị mua bán được phát hiện, được tư vấn, hỗ trợ và chăm sóc.

### **III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN**

**1. Đối tượng:** Các sở, ngành, các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện Chương trình.

**2. Phạm vi:** Thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh.

**3. Thời gian thực hiện:** Từ năm 2018 đến năm 2020.

### **IV. NỘI DUNG TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN**

**1. Dự án 1: Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội đối với các đối tượng yếu thế**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Xây dựng và phát triển cơ sở trợ giúp xã hội phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; nâng cao chất lượng dịch vụ trợ giúp xã hội, đáp ứng nhu cầu trợ giúp của người dân, hướng tới mục tiêu phát triển xã hội công bằng và hiệu quả.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

- Thực hiện có hiệu quả Quy hoạch phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2025 đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành tại Quyết định số 1520/QĐ-LĐTBXH ngày 20/10/2015; tăng tỷ lệ người có hoàn cảnh khó khăn có nhu cầu được tư vấn, hỗ trợ và quản lý từ các cơ sở trợ giúp xã hội lên 30% vào năm 2020.

- Xây dựng thí điểm các mô hình cơ sở trợ giúp xã hội cung cấp dịch vụ công tác xã hội, phòng và trị liệu rối nhiễu tâm trí, ngôi nhà tạm lánh, mô hình gia đình, cá nhân nhận nuôi có thời hạn và mô hình dạy nghề gắn với giải quyết việc làm cho đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tập huấn kỹ năng cho trên 50% cán bộ công chức, viên chức, nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội đang làm việc tại các xã, phường, thị trấn, các cơ sở trợ giúp xã hội và cán bộ lao động, thương binh và xã hội cấp tỉnh, huyện.

- Tăng cường công tác truyền thông phổ biến quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về trợ giúp xã hội; nâng cao nhận thức của toàn xã hội về trợ giúp xã hội.

### **1.3. Nội dung chủ yếu**

#### **a) Phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội**

- Thực hiện quy hoạch, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập. Trong đó, chú trọng nâng cấp, mở rộng và phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội, gồm: Cơ sở trợ giúp xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí, cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp và trung tâm dịch vụ công tác xã hội.

- Phát triển các mô hình mạng lưới cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội trong lĩnh vực y tế, giáo dục, tư pháp và các tổ chức chính trị xã hội.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách của tỉnh để phát triển mạng lưới nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội trong hệ thống trường học, bệnh viện và các lĩnh vực khác; trong đó tập trung phát triển các dịch vụ công tác xã hội đối với trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi, giải quyết vấn đề nghèo đói và những vấn đề xã hội khác.

- Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật và trang thiết bị cho cơ sở trợ giúp xã hội đạt tiêu chuẩn chăm sóc theo tiêu chuẩn do nhà nước quy định, bảo đảm có các phân khu chức năng, hạng mục công trình đáp ứng hoạt động chăm sóc, phục hồi chức năng, trị liệu và cung cấp dịch vụ công tác xã hội. Ưu tiên hỗ trợ mua sắm trang thiết bị vận chuyển đối tượng, sơ cấp cứu, sinh hoạt và phục hồi chức năng cho đối tượng.

*Thời gian thực hiện:* Hàng năm, giai đoạn 2018 - 2020.

*Đơn vị thực hiện:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

#### **b) Hỗ trợ xây dựng và vận hành mô hình**

- Hỗ trợ xây dựng, vận hành các mô hình cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở phòng và trị liệu rối nhiễu tâm trí, ngôi nhà tạm lánh, mô hình gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng có thời hạn và mô hình dạy nghề gắn với giải quyết việc làm cho đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

+ Tiếp tục triển khai duy trì và mở rộng các mô hình phòng và trị liệu rối nhiễu tâm trí tại cộng đồng và tại các Trung tâm Bảo trợ xã hội, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí khu vực miền núi, Trung tâm Cung cấp dịch vụ công tác xã hội.

+ Xây dựng, vận hành mô hình ngôi nhà tạm lánh tại Trung tâm Cung cấp dịch vụ công tác xã hội; mô hình gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng có thời hạn và mô hình dạy nghề gắn với giải quyết việc làm cho đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại các huyện, thị xã, thành phố.

*Thời gian thực hiện:* Hàng năm, giai đoạn 2018 - 2020.

*Đơn vị thực hiện:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

#### **c) Nâng cao năng lực đội ngũ công chức, viên chức và cộng tác viên**

- Xây dựng kế hoạch đào tạo về công tác xã hội phù hợp với nhu cầu hội nhập quốc tế, đạt yêu cầu chuẩn đào tạo của cả nước nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về công tác xã hội.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo các kỹ năng công tác xã hội, chăm sóc sức khỏe tâm thần, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng nghề công tác xã hội bảo đảm liên thông đào tạo đại học nghề công tác xã hội.

*Thời gian thực hiện:* Hàng năm, giai đoạn 2018 - 2020.

*Đơn vị thực hiện:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

#### **d) Đào tạo, đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ trợ giúp xã hội**

- Đào tạo hệ vừa làm, vừa học cho 200 cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên công tác xã hội có trình độ từ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học và sau đại học.

- Tập huấn kỹ năng cho khoảng 1.600 cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội ở xã, phường, thị trấn, huyện, thị xã, thành phố, Trung tâm Công tác xã hội, Trung tâm trợ giúp xã hội và các trường học, bệnh viện.

*Thời gian thực hiện:* Hàng năm, giai đoạn 2018 - 2020.

*Đơn vị thực hiện:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

#### **đ) Tuyên truyền nâng cao nhận thức về nghề công tác xã hội**

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò, vị trí của hệ thống trợ giúp xã hội, công tác xã hội, cơ sở trợ giúp xã hội, kỹ năng chăm sóc sức khỏe tâm thần và đối tượng khác.

- Xây dựng kế hoạch truyền thông ở các cấp, các ngành trên phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức các hội nghị, hội thảo về chia sẻ thông tin, kinh nghiệm hoạt động về lĩnh vực trợ giúp xã hội cho cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên và cộng tác viên trợ giúp xã hội; tổ chức học tập kinh nghiệm ở các địa phương trong và ngoài tỉnh; xây dựng sổ tay hướng dẫn kỹ năng trợ giúp xã hội cho các cơ sở và cán bộ, nhân viên và cộng tác viên trợ giúp xã hội; phát triển mạng lưới viên chức, nhân viên và mạng lưới tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội.

*Thời gian thực hiện:* Hàng năm, giai đoạn 2018 - 2020.

*Đơn vị thực hiện:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Thanh Hóa, Báo Lao động Xã hội các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

#### **e) Thực hiện tư vấn, hỗ trợ và quản lý ca**

Thực hiện tham vấn, tư vấn, can thiệp, trợ giúp, kết nối, chuyển gửi cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn có nhu cầu trợ giúp tại cộng đồng.

*Thời gian thực hiện:* Hàng năm, giai đoạn 2018 - 2020.

*Đơn vị thực hiện:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

## **2. Dự án 2: Phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Chủ động phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em, giảm số trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em bị xâm hại; kịp thời can thiệp,

trợ giúp trẻ em có nguy cơ cao, trẻ em bị xâm hại góp phần tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh cho mọi trẻ em. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về trẻ em.

## **2.2. Mục tiêu cụ thể**

- 80% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc để phục hồi, hòa nhập cộng đồng và có cơ hội phát triển;
- Giảm tỷ lệ gia tăng số trẻ em bị xâm hại;
- 90% trở lên trẻ em có nguy cơ cao bị xâm hại, trẻ em bị xâm hại có kế hoạch hỗ trợ, can thiệp;
- 90% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được quản lý, theo dõi.

## **2.3. Nội dung chủ yếu**

### **a) Hoàn thiện và duy trì hoạt động mạng lưới cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em**

- Hoàn thiện và duy trì hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em. Hỗ trợ trang thiết bị, cơ sở vật chất, hoạt động mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em tại cơ sở, mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp huyện; Văn phòng tư vấn trẻ em cấp huyện.

- Thiết lập mạng lưới kết nối với tổng đài quốc gia thực hiện quy trình tiếp nhận và xử lý liên cấp, liên ngành thông tin, thông báo tố giác tội phạm xâm hại trẻ em.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp các trường hợp trẻ em bị xâm hại, bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Thực hiện mô hình kết nối, chuyển gửi, tìm gia đình chăm sóc thay thế cho các đối tượng trẻ em bị xâm hại, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; xây dựng, triển khai, duy trì mô hình thí điểm chăm sóc thay thế cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; tổ chức giám sát và hỗ trợ kỹ thuật về thực hiện quy trình, tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em.

*Thời gian thực hiện:* Hàng năm, giai đoạn 2018 - 2020.

*Đơn vị thực hiện:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

### **b) Nâng cao năng lực quản lý, cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; năng lực của cha, mẹ và người chăm sóc về bảo vệ trẻ em:**

- Xây dựng chương trình, tài liệu nâng cao năng lực, kỹ năng bảo vệ trẻ em.

- Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực quản lý, cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cho cán bộ, công chức, viên chức, cộng tác viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, người chăm sóc trẻ em.

- Tập huấn, truyền thông chuyển đổi hành vi, cung cấp kỹ năng phòng ngừa nguy cơ, tự bảo vệ cho cha mẹ, người chăm sóc trẻ em.

*Thời gian thực hiện:* Hàng năm, giai đoạn 2018 - 2020.

*Đơn vị thực hiện:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.



### **c) Hệ thống cơ sở dữ liệu về trẻ em:**

- Duy trì, vận hành, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, thu thập và cập nhật thông tin về trẻ em.

- Tổ chức bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ cán bộ vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về trẻ em. Hướng dẫn khảo sát, đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ, chuyên đề về trẻ em.

*Thời gian thực hiện:* Hàng năm, giai đoạn 2018 - 2020.

*Đơn vị thực hiện:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

### **3. Dự án 3: Thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới**

#### **3.1. Mục tiêu chung**

Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị, lao động việc làm, giảm dần số vụ bạo lực trên cơ sở giới, nâng cao vị thế của phụ nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần thực hiện thành công Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020.

#### **3.2. Mục tiêu cụ thể**

- 80% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người trong lực lượng vũ trang, sinh viên, học sinh các cấp và 60% người dân được tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới;

- Ít nhất 70% nữ đại biểu Quốc hội khóa XIV, nữ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021, nữ cán bộ quản lý lãnh đạo các cấp và 50% nữ cán bộ trong diện quy hoạch (từ cấp phòng trở lên) được trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng quản lý, lãnh đạo và các kỹ năng mềm;

- 100% cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành, đội ngũ cộng tác viên được tập huấn bổ sung kiến thức, kỹ năng hoạt động về bình đẳng giới;

- 50% nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới được tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ hỗ trợ; 50% số người gây bạo lực hoặc có nguy cơ cao gây bạo lực được phát hiện, tư vấn.

#### **3.3. Nội dung chủ yếu**

##### **a) Truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới**

- Tổ chức truyền thông gắn tập huấn nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới tại cộng đồng phù hợp với đặc thù từng nhóm đối tượng, địa bàn dân cư trong đó chú trọng tuyên truyền tại các xã miền núi, xã đặc biệt khó khăn, nhóm người có uy tín trong cộng đồng; thu hút nam giới và trẻ em trai tham gia thúc đẩy bình đẳng giới, chia sẻ trách nhiệm gia đình, phòng chống bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái, giảm mất cân bằng giới tính khi sinh, tình trạng ép phụ nữ kết hôn với người nước ngoài vì lý do kinh tế... nhằm xóa bỏ bất bình đẳng giới trong cộng đồng và xã hội.

- Tổ chức các hoạt động trong chiến dịch truyền thông về bình đẳng giới nhân tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới,

trong đó chú ý lồng ghép nội dung về bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới vào nội dung sinh hoạt của các câu lạc bộ tại cộng đồng và trong trường học, các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Sản xuất, biên tập các sản phẩm truyền thông về bình đẳng giới như tờ rơi, tờ gấp, sổ tay bỏ túi, băng rôn, pa nô, khẩu hiệu...; xây dựng và đăng các tin, bài, hình ảnh về bình đẳng giới trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Biểu dương, tuyên truyền về các điển hình, cá nhân, tập thể có sáng kiến, hoạt động tích cực trong công tác bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

*Thời gian thực hiện:* Hàng năm, giai đoạn 2018 - 2020.

*Đơn vị thực hiện:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Liên Đoàn lao động tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

#### **b) Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo và cơ quan dân cử**

- Đánh giá định kỳ về thực trạng tình hình đội ngũ nữ cán bộ quản lý, lãnh đạo từ tỉnh đến cơ sở.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng quản lý, lãnh đạo và các kỹ năng mềm khác cho đội ngũ nữ đại biểu dân cử, nữ cán bộ quản lý, lãnh đạo các cấp, nữ cán bộ thuộc diện quy hoạch nhằm góp phần nâng cao tỷ lệ nữ tham gia chính trị, lãnh đạo quản lý tại các địa phương có tỷ lệ phụ nữ tham gia thấp.

- Xây dựng các diễn đàn hoặc tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm, đối thoại nhằm trao đổi kinh nghiệm giữa các nữ đại biểu Hội đồng nhân dân, nữ lãnh đạo và nữ cán bộ diện quy hoạch các cấp.

*Thời gian thực hiện:* Hàng năm, giai đoạn 2018 - 2020.

*Đơn vị thực hiện:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

#### **c) Thực hiện cung cấp các dịch vụ hỗ trợ về bình đẳng giới tại Trung tâm Công tác xã hội tỉnh**

- Nâng cấp, mua sắm trang thiết bị, kỹ thuật để thực hiện cung cấp các dịch vụ hỗ trợ về bình đẳng giới ... cho nạn nhân bị bạo lực, người gây bạo lực và các dịch vụ hỗ trợ đối với cộng đồng.

- Tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ công tác xã hội và cộng tác viên về lĩnh vực bình đẳng giới và kỹ năng tư vấn, làm việc với các đối tượng liên quan.

- Hỗ trợ dịch vụ đường dây nóng về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới: mua sắm trang thiết bị cần thiết; kinh phí vận hành trong thời gian hoạt động để duy trì đường dây nóng đạt hiệu quả.

- Thu thập số liệu, thông tin về đối tượng của Trung tâm Cung cấp dịch vụ công tác xã hội.

*Đơn vị thực hiện:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

*Thời gian thực hiện:* Hàng năm, giai đoạn 2018 - 2020.

**d) Cung cấp dịch vụ phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới:**

(1) Hỗ trợ xây dựng “Địa chỉ tin cậy” - “Nhà tạm lánh” tại cộng đồng đạt chuẩn theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về cung cấp các dịch vụ hỗ trợ ban đầu: Nơi trú ẩn tạm thời khẩn cấp và an toàn; tư vấn tâm lý và pháp lý cơ bản; chăm sóc sức khỏe ban đầu; liên hệ chuyển tuyến trong trường hợp cần thiết.

*Thời gian thực hiện:* Hàng năm, giai đoạn 2018-2020.

*Đơn vị thực hiện:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

(2) Xây dựng trường học an toàn, thân thiện, không bạo lực: mua sắm trang thiết bị thành lập “Phòng tư vấn” nâng cao kỹ năng cho giáo viên, người học và cung cấp thông tin cho phụ huynh về biện pháp phòng ngừa và ứng phó với bạo lực tại trường học; thiết lập các dịch vụ hỗ trợ, can thiệp ngay tại trường học, đề xuất biện pháp xử lý phù hợp đối với người có hành vi bạo lực; tổ chức nói chuyện chuyên đề và lồng ghép nội dung về phòng, chống bạo lực trong các câu lạc bộ thể thao, hoạt động ngoại khóa.

*Thời gian thực hiện:* Hàng năm, giai đoạn 2018 - 2020.

*Đơn vị thực hiện:* Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức lựa chọn thí điểm, tiến tới nhân rộng trên các trường THPT và các trường Đại học, cao đẳng, Trung cấp nghề trên địa bàn toàn tỉnh.

(3) Thực hiện thí điểm mô hình “Thành phố an toàn, thân thiện với phụ nữ và trẻ em gái”.

*Thời gian thực hiện:* Hàng năm, giai đoạn 2018-2020.

*Đơn vị thực hiện:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải, Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

(4) Hỗ trợ xây dựng, duy trì và nhân rộng các mô hình phòng chống bạo lực trên cơ sở giới:

+ Nâng cấp, mua sắm trang thiết bị, kỹ thuật và vận hành đường dây nóng nhằm kịp thời tư vấn, can thiệp hỗ trợ nạn nhân.

+ Tập huấn nâng cao kỹ năng tham vấn, tư vấn cho cán bộ phụ trách đường dây nóng, cộng tác viên thực hiện mô hình.

+ Hội nghị triển khai và giao ban hoạt động kết nối dịch vụ, hỗ trợ, bảo vệ nạn nhân và can thiệp xử lý trường hợp gây bạo lực (01 lần/1 quý, tại tỉnh).

*Thời gian thực hiện:* Hàng năm, giai đoạn 2018 - 2020.

*Đơn vị thực hiện:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

**e) Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong lĩnh vực lao động, việc làm:**

- Tập huấn nâng cao kỹ năng khởi sự, quản lý doanh nghiệp cho nữ doanh nhân làm chủ doanh nghiệp và phụ nữ có nhu cầu thành lập doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Duy trì, phát huy vai trò của Câu lạc bộ nữ doanh nhân Thanh Hóa nhằm hỗ trợ nhau tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh, trong cuộc sống gia đình và đóng góp chung cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Xây dựng thí điểm mô hình “Câu lạc bộ nữ công nhân nhà trọ” tại khu công nghiệp, khu chế xuất, tạo điều kiện giúp nữ công nhân tham gia và tiếp cận đối với các dịch vụ xã hội.

*Thời gian thực hiện:* Hàng năm, giai đoạn 2018 - 2020.

*Đơn vị thực hiện:* Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh chủ trì, phối hợp với Liên Đoàn lao động tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu Công nghiệp, các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

**f) Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về bình đẳng giới**

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao nhận thức và nghiệp vụ tuyên truyền về bình đẳng giới cho các cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới các sở, ban, ngành cấp tỉnh và địa phương; đội ngũ cộng tác viên, cán bộ thông tin, truyền thông cơ sở.

- Hướng dẫn thu thập và xây dựng cơ sở dữ liệu về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

*Thời gian thực hiện:* Hàng năm, giai đoạn 2018 - 2020.

*Đơn vị thực hiện:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

**g) Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch**

- Tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch tại những đơn vị, địa phương có tình trạng bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình xảy ra nhiều.

- Các sở, ngành, đoàn thể và các huyện, thị xã, thành phố chủ động tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ và thường xuyên đánh giá kết quả thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương, hàng năm báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

*Thời gian thực hiện:* Hàng năm, giai đoạn 2018 - 2020.

*Đơn vị thực hiện:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

#### **4. Dự án 4: Phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ người cai nghiện ma túy, người bán dâm và nạn nhân bị mua bán.**

##### **4.1. Mục tiêu chung**

Nâng cao hiệu quả cai nghiện ma túy, cải tạo, nâng cấp 02 cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh nhằm đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự, phục vụ công tác cai nghiện, phục hồi cho người nghiện ma túy theo quan điểm của Đề án đổi mới công tác cai nghiện ma túy ở Việt Nam đến năm 2020 và Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 15/4/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện Đề án đổi mới công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội trong công tác cai nghiện ma túy; phòng, chống mại dâm; giảm thiểu tác hại của hoạt động mại dâm đối với đời sống xã hội; bảo đảm quyền bình đẳng của người bán dâm trong việc tiếp cận, sử dụng các dịch vụ xã hội; giảm tội phạm liên quan đến mại dâm. Nâng cao hiệu quả công tác tiếp nhận, xác minh, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về; tạo các điều kiện cho nạn nhân bị mua bán trở về được tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản, hòa nhập với cộng đồng.

##### **4.2. Mục tiêu cụ thể**

###### **Về cai nghiện ma túy:**

- 90% người nghiện ma túy khi có quyết định của Tòa án về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được đưa vào Cơ sở cai nghiện kịp thời;

- Nâng tỷ lệ số người nghiện được điều trị so với số người nghiện có hồ sơ quản lý (ước đến 2020 khoảng 8000 người nghiện) từ 70% vào năm 2015 lên 90% vào năm 2020 (tương đương 7200 người). Giảm gần điều trị bắt buộc tại Trung tâm đến năm 2020 còn 6% (ước khoảng từ 480 - 500 người);

- Tăng tỷ lệ người nghiện hòa nhập cộng đồng có việc làm lên 70% vào năm 2020;

- 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ sở cai nghiện, cán bộ quản lý (tương đương khoảng 140 người) được đào tạo ngắn hạn về chuyên môn, nghiệp vụ cai nghiện ma túy theo quy định của pháp luật;

- Thành lập các điểm tư vấn, chăm sóc, hỗ trợ điều trị nghiện ma túy tại cộng đồng, giúp người nghiện lựa chọn phương pháp điều trị thích hợp, tư vấn và hỗ trợ giúp người nghiện tuân thủ điều trị.

###### **Về phòng, chống mại dâm:**

- Từ năm 2018 trở đi, các thông tin về phòng, chống mại dâm được đăng tải trên cơ quan báo chí, truyền hình cấp tỉnh ít nhất một tháng một lần;

- Năm 2018, đạt 75% và năm 2020 đạt 100% số xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) tổ chức được ít nhất một hình thức tuyên truyền về phòng, chống mại dâm và được duy trì thường xuyên;

- Đến năm 2020 đạt 50% các huyện, thị xã, thành phố xây dựng các mô hình cung cấp dịch vụ hỗ trợ xã hội cho người bán dâm;

- Năm 2018 đạt 50%, năm 2020 đạt 100% các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch lồng ghép và tổ chức, thực hiện nhiệm vụ phòng, chống mại dâm với các chương trình kinh tế - xã hội tại địa phương như chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững, dạy nghề cho lao động nông thôn, chương trình việc làm, phòng, chống HIV/AIDS, phòng, chống tội phạm mua bán người.

#### **Về hỗ trợ nạn nhân bị mua bán:**

- 90% các trường hợp đã tiếp nhận được tiến hành các thủ tục xác minh, xác định nạn nhân và được hưởng các chế độ hỗ trợ theo quy định của pháp luật;

- 90% nạn nhân có nhu cầu được hỗ trợ chế độ theo quy định của pháp luật;

- 90% nạn nhân và người thân của họ có nhu cầu được bảo vệ an toàn theo quy định của pháp luật;

- Đến năm 2020, 90% các huyện, thị xã, thành phố trọng điểm xây dựng được các mô hình hỗ trợ hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân bị mua bán.

### **4.3. Nội dung chủ yếu**

#### **a) Hỗ trợ cai nghiện ma túy:**

- Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các cơ sở cai nghiện ma túy theo Quyết định đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tổ chức điều trị methadone tại các Cơ sở cai nghiện theo Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 02/7/2015 của Chính phủ.

- Nâng cao chất lượng chăm sóc và điều trị, đa dạng hoá các dịch vụ nhằm thu hút người nghiện vào cai nghiện tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện.

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện và các điểm tư vấn chăm sóc, hỗ trợ điều trị nghiện ma túy theo Đề án đổi mới công tác cai nghiện ma túy.

- Tổ chức tuyên truyền các mô hình xã, phường làm tốt công tác cai nghiện; các điển hình cai nghiện thành công; Đội công tác xã hội tình nguyện, tình nguyện viên, các cá nhân, tổ chức xã hội giúp đỡ người nghiện ma túy, người sau cai nghiện hòa nhập cộng đồng.

- Xây dựng các mô hình cung cấp dịch vụ hỗ trợ người nghiện ma túy tại cộng đồng.

- Điều tra, rà soát nhu cầu điều trị nghiện bắt buộc tại các địa phương để xác định quy mô điều trị.

- Rà soát, đánh giá công tác quản lý sau cai nghiện tại cộng đồng.

- Tổ chức tập huấn, đào tạo, nâng cao năng lực về dự phòng và điều trị nghiện ma túy tại cộng đồng.

- Nghiên cứu, xây dựng chương trình học nghề đặc thù cho người nghiện ma túy; tổ chức triển khai thí điểm dạy nghề và đúc rút kinh nghiệm, nhân rộng mô hình.

- Xây dựng các kỹ năng lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, hướng dẫn người nghiện ma túy tìm việc làm; xây dựng các chương trình kết nối giới thiệu việc làm cho người nghiện ma túy, người sau cai nghiện.

- Thành lập các điểm tư vấn, chăm sóc, hỗ trợ điều trị nghiện ma túy tại cộng đồng.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả công tác điều trị nghiện tại cộng đồng.

*Thời gian thực hiện:* Hàng năm, giai đoạn 2018-2020.

*Đơn vị thực hiện:* Sở Lao động - Thương binh và xã hội phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

#### **b) Về phòng, chống mại dâm:**

- Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức về phòng, chống mại dâm:

+ Tăng cường công tác phòng ngừa thông qua các hoạt động tuyên truyền trực tiếp tại cộng đồng, tập trung ở các khu vực miền núi, các địa phương nghèo, địa phương có người nhiều người di cư để hạn chế phát sinh mới số người tham gia mại dâm, đặc biệt chú ý tới tệ nạn mại dâm đồng tính, trong đó có mại dâm nam đang diễn biến phức tạp, gây khó khăn trong việc kiểm soát. Hoạt động mại dâm đồng tính nam diễn ra và nguy trang dưới nhiều hình thức như qua mạng Internet, các cơ sở spa chăm sóc sắc đẹp, foot massage sử dụng kỹ thuật viên là đồng tính nam phục vụ cho khách đồng tính có dấu hiệu phát sinh tệ nạn; Xây dựng bộ công cụ truyền thông, tài liệu tập huấn cho đội ngũ giảng viên, báo cáo viên (sách mỏng, tờ rơi, tranh áp phích, sổ tay cho tuyên truyền viên, lịch và các phóng sự, phim...) về phòng, chống mại dâm; hành vi tình dục lành mạnh, an toàn; Thực hiện chiến lược truyền thông thay đổi hành vi tại cộng đồng trên phạm vi toàn tỉnh, ưu tiên triển khai tại các huyện, thị xã, thành phố trọng điểm; Tập huấn nâng cao năng lực cho mạng lưới báo cáo viên, tuyên truyền viên, tình nguyện viên, cộng tác viên tại địa phương để thực hiện tốt công tác tuyên truyền và hướng dẫn cộng đồng về phòng ngừa mại dâm; Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền tại cộng đồng thông qua các buổi thảo luận nhóm, tư vấn hỗ trợ cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp; các hoạt động tuyên truyền mang tính tương tác cao tại các khu công nghiệp, trường học...; chú trọng nhóm có nguy cơ cao (học sinh, sinh viên, người lao động chưa có việc làm, nữ thanh, thiếu niên, người lao động nhập cư tại các khu công nghiệp...đặc biệt là nhóm lao động di cư, tìm việc làm tại nơi khác) nhằm bảo đảm việc di cư lao động an toàn, phù hợp với khả năng, điều kiện của họ.

+ Nâng cao hiệu quả công tác thông tin, truyền thông phòng, chống mại dâm thông qua các phương tiện thông tin đại chúng; giám kì thị, phân biệt đối xử của cộng đồng đối với người bán dâm; Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, các tiểu phẩm, ký sự, bài viết và tăng thời lượng phát sóng, đưa tin về tình hình tệ nạn mại dâm, công tác phòng, chống mại dâm trên các phương tiện truyền thông.

- Đẩy mạnh thực hiện các hoạt động phòng ngừa mại dâm thông qua lồng ghép các chương trình kinh tế - xã hội tại địa bàn cơ sở:

+ Tổ chức rà soát, đánh giá về nhóm người có nguy cơ cao (thanh niên chưa có nghề nghiệp, chưa có việc làm...) và các chương trình an sinh xã hội, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương để hướng mục tiêu của các chương trình đến các nhóm đối tượng này.

+ Xây dựng các hoạt động lồng ghép cho nhóm phụ nữ có nhu cầu tìm kiếm việc làm trong các chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn, chương trình việc làm, hỗ trợ vay vốn, chương trình giảm nghèo... nhằm cung cấp cho họ các cơ hội lựa chọn công việc phù hợp.

+ Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực phòng chống tệ nạn mại dâm tại cộng đồng và các Khu công nghiệp.

+ Xây dựng các kế hoạch lồng ghép việc thực hiện các chương trình an sinh xã hội tại địa phương với nhiệm vụ phòng, chống mại dâm nói chung, chú ý đến các hoạt động mại dâm đồng tính, mại dâm nam cần được chủ động phòng, chống.

+ Xây dựng mô hình cung cấp dịch vụ hỗ trợ người bán dâm tại cộng đồng.

+ Xây dựng, triển khai các hoạt động can thiệp giảm tác hại về HIV/AIDS, phòng ngừa, giảm tình trạng bạo lực trên cơ sở giới trong phòng, chống mại dâm.

*Thời gian thực hiện:* Hàng năm, giai đoạn 2018 - 2020.

*Đơn vị thực hiện:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

### **c) Về hỗ trợ nạn nhân bị mua bán:**

- Nghiên cứu hình thành mạng lưới hỗ trợ nạn nhân; Xây dựng, chuẩn hóa hệ thống dịch vụ hỗ trợ nạn nhân tại các cơ sở bảo trợ, cơ sở hỗ trợ nạn nhân và tại cộng đồng.

- Thực hiện quy trình chuẩn về hỗ trợ nạn nhân tại các cơ sở bảo trợ, cơ sở hỗ trợ nạn nhân và tại cộng đồng theo quy định pháp luật, đảm bảo theo hướng bình đẳng giới, chú ý nhu cầu và đặc điểm của các nhóm đối tượng khác nhau, đặc biệt là trẻ em.

- Tổ chức tập huấn, đào tạo, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm,... nhằm nâng cao năng lực cho các cán bộ ngành Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan ban ngành liên quan để thực hiện tốt quy trình hỗ trợ nạn nhân hòa nhập cộng đồng.



- Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, nguồn lực phục vụ công tác hỗ trợ nạn nhân tại các cơ sở hỗ trợ nạn nhân, cơ sở bảo trợ.

- Đánh giá, rút kinh nghiệm và nhân rộng các mô hình hỗ trợ nạn nhân thành công tại cộng đồng; khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia vào công tác hỗ trợ nạn nhân.

- Xây dựng mô hình cung cấp dịch vụ hỗ trợ nạn nhân bị buôn bán tại cộng đồng.

- Điều tra, rà soát nạn nhân bị mua bán trở về cộng đồng

- Tổ chức giám sát, đánh giá việc thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân: Điều tra khảo sát, rà soát, thống kê nạn nhân bị mua bán trở về. Đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân. Tổng kết, đánh giá việc thực hiện Đề án và xây dựng các hoạt động cho giai đoạn tiếp theo.

*Thời gian thực hiện:* Hàng năm, giai đoạn 2018 - 2020.

*Đơn vị thực hiện:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

## **V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo**

- Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp và sự tham gia của các đoàn thể, tổ chức xã hội và cộng đồng trong việc thực hiện các chính sách, pháp luật về lĩnh vực bảo trợ xã hội, bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, phòng chống tệ nạn xã hội.

- Chỉ đạo việc đưa mục tiêu, nội dung của các hoạt động bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, công tác phòng, chống tệ nạn xã hội và phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm của các sở, ban, ngành, đoàn thể và UBND các cấp.

### **2. Đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức**

- Ý nghĩa và tầm quan trọng trong việc thực hiện các chính sách pháp luật về lĩnh vực bảo trợ xã hội, bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, phòng chống tệ nạn xã hội.

- Đẩy mạnh và đổi mới hiệu quả các hình thức truyền thông, phổ biến, giáo dục nhằm thay đổi nhận thức, hành động và trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân về thực hiện bình đẳng giới, bảo vệ chăm sóc, giáo dục trẻ em, công tác phòng, chống tệ nạn xã hội và vai trò, vị trí của hệ thống trợ giúp xã hội.

- Nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của các tầng lớp nhân dân trong việc xây dựng hệ thống trợ giúp xã hội; góp phần giảm khoảng cách về giới; phòng, chống mại dâm, ma túy và mua bán người, đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm trong bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, nhất là đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

### **3. Giải pháp về nhân lực, quản lý**

- Nguồn nhân lực thực hiện Kế hoạch là cán bộ quản lý nhà nước về lĩnh vực bảo trợ xã hội; bảo vệ, chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội ở các sở, ban, ngành, đoàn thể; các địa phương; các cơ sở trợ giúp xã hội, cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em và các tình nguyện viên ở cộng đồng.

- Nâng cao năng lực quản lý của cơ quan quản lý nhà nước các cấp về bảo trợ xã hội; bảo vệ, chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội nhằm hoàn thành các hoạt động, công việc theo đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả trong phạm vi ngân sách được duyệt.

- Từng bước hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết chính sách về an sinh xã hội, đáp ứng nhu cầu thông tin cho các cấp quản lý nhanh nhạy, kịp thời, chính xác, góp phần cải cách hành chính trong trợ giúp xã hội.

### **4. Giải pháp về cơ chế, chính sách**

- Triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực bảo trợ xã hội; bảo vệ, chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội.

- Ban hành văn bản của địa phương theo thẩm quyền để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch, trong đó ưu tiên cho các đơn vị, địa phương khó khăn; Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện; phân cấp cho chính quyền địa phương, các đơn vị trực tiếp thụ hưởng lợi ích của dự án, hoạt động.

### **5. Tăng cường xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực để phát triển hệ thống trợ giúp xã hội**

- Xây dựng cơ chế khuyến khích các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức quốc tế, gia đình, cộng đồng, người dân tham gia cung cấp các dịch vụ trợ giúp xã hội.

- Đẩy mạnh xã hội hoá, huy động các nguồn lực trong xã hội để phát triển hệ thống trợ giúp xã hội. Xây dựng các cơ chế, chính sách trợ giúp đối tượng người yếu thế của tỉnh.

### **6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá**

Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nội dung của kế hoạch hàng năm, giữa kỳ và cuối kỳ theo kế hoạch 5 năm của các cấp, các ngành và phối hợp liên ngành.

### **7. Giải pháp về tài chính**

Đa dạng hóa việc huy động nguồn lực từ Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng cho việc thực hiện các mục tiêu của chương trình, dự án.

## **VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

Tổng nguồn vốn thực hiện Kế hoạch là: 53.864 triệu đồng (Năm ba tỷ tám trăm sáu mươi triệu đồng chẵn). Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 37.148 triệu đồng. Trong đó:

+ Vốn đầu tư phát triển: 27.461 triệu đồng;

- + Vốn sự nghiệp: 9.687 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương: 16.716 triệu đồng. Trong đó:
  - + Ngân sách tỉnh: 12.124 triệu đồng;
  - + Ngân sách huyện: 4.592 triệu đồng.

*(Có phụ lục 1, 2, 3, 4, 5 bản tổng hợp và kinh phí từng dự án kèm theo).*

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Chủ trì hướng dẫn các sở, ban, ngành, đoàn thể và các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện các dự án trong Kế hoạch theo quy định.

### **2. Sở Tài chính**

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước; phối hợp thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch.

### **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Phối hợp Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển hệ thống trợ giúp xã hội vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 05 năm của tỉnh theo quy định.

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển để thực hiện Kế hoạch.

### **4. Sở Tư pháp**

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ban, ngành phổ biến, tuyên truyền pháp luật về lĩnh vực trợ giúp xã hội, xây dựng mô hình về trợ giúp pháp lý cho đối tượng yếu thế.

### **5. Sở Nội vụ**

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện việc áp dụng các chức danh, mã số ngạch, bậc lương, các chế độ phụ cấp khác (nếu có) của viên chức làm công tác xã hội khi có văn bản hướng dẫn của Trung ương.

### **6. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế**

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, các ngành liên quan nghiên cứu, trình cơ quan có thẩm quyền mở thêm ngành đào tạo nghề công tác xã hội ở các trường Đại học, Cao đẳng hiện có trên địa bàn

tình, đào tạo cử nhân công tác xã hội; nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên công tác xã hội.

- Tham mưu cho UBND tỉnh, phối hợp với các ban, ngành tổ chức mở lớp cho học sinh khuyết tật, học sinh bị nhiễm HIV tại các trường THCS, THPT.

- Duy trì tốt việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền về bình đẳng giới, phòng chống ma túy - HIV, phòng chống xâm hại tình dục trẻ em. Mỗi năm học tổ chức phát động 2 lần vào đầu học kỳ 1 và đầu học kỳ; Tổ chức phát động điểm tại một số trường trọng điểm của các huyện, thị, thành phố trên địa bàn tỉnh; Triển khai bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên, cán bộ phụ trách Đoàn, Đội trong trường học về kiến thức bình đẳng giới; xây dựng trường học an toàn, thân thiện, không có bạo lực.

- Cung cấp các dịch vụ về công tác xã hội cho người bệnh, người nhà người bệnh và nhân viên y tế trong quá trình khám, chữa bệnh.

### **7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng mô hình câu lạc bộ hỗ trợ phụ nữ có nguy cơ bị ép kết hôn với nước ngoài và giảm thiểu tình trạng bạo lực trên cơ sở giới tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

### **8. Sở Thông tin và Truyền thông**

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức về nghề công tác xã hội, cơ sở trợ giúp xã hội, kỹ năng chăm sóc sức khỏe và các kỹ năng khác cho các đối tượng cần trợ giúp.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh, Đài Truyền thanh và Truyền hình các huyện, thành phố biên tập, dành thời lượng để giới thiệu, tuyên truyền, phản ánh các hoạt động trên địa bàn tỉnh về Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội.

### **9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Tỉnh Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh**

Chủ trì, phối hợp với các tổ chức thành viên chỉ đạo các cấp Hội cơ sở đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến làm thay đổi nhận thức trong đoàn viên, hội viên về công tác trợ giúp xã hội; vận động đoàn viên, hội viên tình nguyện tham gia công tác xã hội, tham gia triển khai thực hiện Kế hoạch.

### **10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch tại địa phương theo hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành chức năng.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch hoạt động hằng năm; lồng ghép việc thực hiện Kế hoạch với các chương trình xã hội khác có liên quan trên địa bàn.

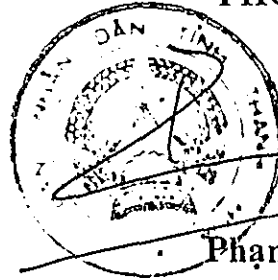
- Chủ động bố trí ngân sách, nhân lực, vận động nguồn lực, tổ chức, kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng nhiệm vụ phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội). Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (để b/c);
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ngành, đơn vị liên quan;
- UBND các huyện, thị, thành phố;
- Lưu: VT, VX.VTXH25

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Đăng Quyền**

**Tổng hợp kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2018-2020**

(Kèm theo Kế hoạch số: 71 /KH-UBND ngày 02 /4/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

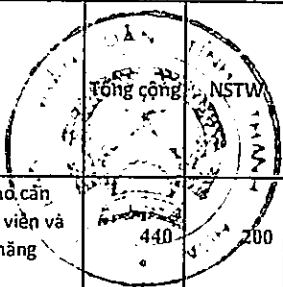
ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng cộng	NSTW	Tổng NSDP	Trong đó		Năm 2018					Năm 2019					Năm 2020				
					NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS ĐP	Trong đó		Tổng	NSTW	NS ĐP	Trong đó		Tổng	NSTW	NS ĐP	Trong đó	
										NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện
	<b>TỔNG CỘNG</b>	53.864	37.148	16.716	12.124	4.592	13.575	8.287	5.288	3.874	1.414	24.204	18.495	5.709	4.125	1.584	16.085	10.366	5.719	4.125	1.594
1	Dự án 1: Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội đối với các đối tượng yếu thế	31.081	28.721	2.360	2.170	190	6.300	5.520	780	630	150	16.440	15.640	800	780	20	8.341	7.561	780	760	20
2	Dự án 2: Phát triển hệ thống Bảo vệ trẻ em	10.761	3.907	6.854	3.152	3.702	3.473	1.227	2.246	1.012	1.234	3.669	1.365	2.304	1.070	1.234	3.619	1.315	2.304	1.070	1.234
3	Dự án 3: Thực hiện mục tiêu quốc gia về Bình đẳng giới	1.455	570	885	795	90	445	190	255	225	30	495	190	305	275	30	515	190	325	295	30
4	Dự án 4: Phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ người cai nghiện ma túy, người bán dâm và nạn nhân bị mua bán	10.567	3.950	6.617	6.007	610	3.357	1.350	2.007	2.007	-	3.600	1.300	2.300	2.000	300	3.610	1.300	2.310	2.000	310

**Dự toán kinh phí Dự án 1: Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội đối với các đối tượng yếu thế**  
(Kèm theo Kế hoạch số: 71 /KH-UBND ngày 02 /4/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

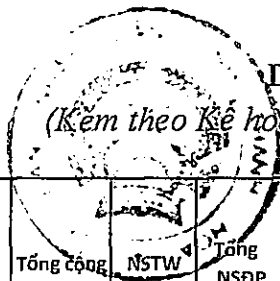
ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng cộng	NSTW	Tổng NSĐP	Trong đó		Năm 2018					Năm 2019					Năm 2020				
					NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS ĐP	Trong đó		Tổng	NSTW	NS ĐP	Trong đó		Tổng	NSTW	NS ĐP	Trong đó	
										NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện
	<b>TỔNG CỘNG</b>	31.081	28.721	2.360	2.170	190	6.300	5.520	780	630	150	16.440	15.640	800	780	20	8.341	7.561	780	760	20
1	Đầu tư phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội	26.961	26.961	-	-	-	5.000	5.000	-	-	-	15.000	15.000	-	-	-	6.961	6.961	-	-	-
	Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật và trang thiết bị cho cơ sở trợ giúp xã hội, ưu tiên hỗ trợ mua sắm trang thiết bị vận chuyển đối tượng, sơ cấp cứu, sinh hoạt và phục hồi chức năng cho đối tượng.	26.961	26.961	-	-	-	5.000	5.000	-	-	-	15.000	15.000	-	-	-	6.961	6.961	-	-	-
2	Xây dựng và vận hành mô hình	400	250	150	-	150	150	-	150	-	150	150	150	-	-	-	100	100	-	-	-
1	Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị để bảo vệ, nuôi dưỡng các đối tượng trẻ em bị xâm hại tình dục, trẻ bị bạo hành, nạn nhân bị bạo lực gia đình mô hình ngôi nhà tạm lánh.	150	100	50	-	50	50	-	50	-	50	50	50	-	-	-	50	50	-	-	-
2	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc cho mô hình gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng có thời hạn đối tượng trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS, người khuyết tật.	150	100	50	-	50	50	-	50	-	50	50	50	-	-	-	50	50	-	-	-
3	Hỗ trợ dạy nghề cho người khuyết tật, người nghèo, phụ nữ bị buôn bán trở về mô hình dạy nghề gắn với giải quyết việc làm cho đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	100	50	50	-	50	50	-	50	-	50	50	50	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Nâng cao năng lực đội ngũ công chức, viên chức và cộng tác viên	1.940	800	1.140	1.140	-	540	200	340	340	-	800	400	400	400	-	600	200	400	400	-
1	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ công chức, viên chức, nhân viên và cộng tác viên về kiến thức, kỹ năng công tác xã hội	1.000	600	400	400	-	300	200	100	100	-	350	200	150	150	-	350	200	150	150	-



TT	Nội dung	Tổng cộng	Tổng NSĐP	Trong đó		Năm 2018					Năm 2019					Năm 2020				
				NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS ĐP	Trong đó		Tổng	NSTW	NS ĐP	Trong đó		Tổng	NSTW	NS ĐP	Trong đó	
									NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện
3,2	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ công chức, viên chức, nhân viên và cộng tác viên về kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe tâm thần	440	240	240	-	240	-	240	240	-	200	200	-	-	-	-	-	-	-	
3,3	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ công chức, viên chức, nhân viên và cộng tác viên về kiến thức, kỹ năng chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	500	500	500	-	-	-	-	-	250	-	250	250	-	250	-	250	250	-	
3,4	Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng nghề công tác xã hội đảm bảo liên thông đào tạo đại học nghề công tác xã hội	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4	Đào tạo, đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ trợ giúp xã hội	1.220	620	600	600	-	420	320	100	100	250	-	250	250	-	550	300	250	250	
1,1	Đào tạo hệ vừa học, vừa làm cho cán bộ công chức, viên chức, nhân viên công tác xã hội có trình độ từ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học	620	620	-	-	-	320	320	-	-	-	-	-	-	-	300	300	-	-	
1,2	Tập huấn kỹ năng trợ giúp xã hội cho cán bộ viên chức, nhân viên và cộng tác viên	600	-	600	600	-	100	-	100	100	250	-	250	250	-	250	-	250	250	
5	Truyền thông nâng cao nhận thức về nghề công tác xã hội	340	90	250	210	40	130	-	130	130	130	90	40	20	20	80	-	80	60	
1,1	Tuyên truyền qua báo, đài, hội nghị	90	20	70	30	40	30	-	30	30	20	20	20	-	20	20	-	20	20	
1,2	Tổ chức chiến dịch truyền thông nhân ngày công tác xã hội Việt Nam	110	20	90	90	-	50	-	50	50	40	20	20	20	-	20	-	20	20	
1,3	Sản xuất các sản phẩm truyền thông như tờ rơi, pa nô, băng rôn, sổ tay hướng dẫn, tài liệu	140	50	90	90	-	50	-	50	50	50	50	-	0	-	40	-	40	40	
6	Thực hiện tư vấn, hỗ trợ và quản lý: Tham vấn, tư vấn, can thiệp, trợ giúp, kết nối, chuyển gửi cho các nhóm đối tượng có nhu cầu trợ giúp tại cộng đồng	110	-	110	110	-	50	-	50	50	60	-	60	60	-	-	-	-	-	
7	Kiểm tra, giám sát	110	-	110	110	-	10	-	10	10	50	-	50	50	-	50	-	50	50	

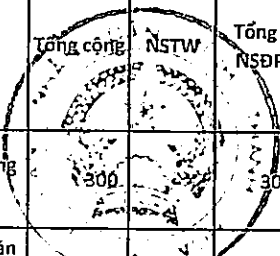




**Dự toán kinh phí Dự án 2: Phát triển hệ thống Bảo vệ trẻ em**  
(Kèm theo Kế hoạch số: 71 /KH-UBND ngày 02/4/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Trong đó			Năm 2018						Năm 2019						Năm 2020								
		Tổng cộng	NSTW	Tổng NSĐP	Tổng	NSTW	NS ĐP	Trong đó				Tổng	NSTW	NS ĐP	Trong đó				Tổng	NSTW	NS ĐP	Trong đó			
								NS tỉnh	NS huyện	NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện	NS tỉnh	NS huyện							
																						NS tỉnh	NS huyện	NS tỉnh	NS huyện
	<b>TỔNG CỘNG</b>	10.761	3.907	6.854	3.152	3.702	3.473	1.227	2.246	1.012	1.234	3.669	1.365	2.304	1.070	1.234	3.619	1.315	2.304	1.070	1.234				
1	Hoàn thiện và duy trì hoạt động mạng lưới cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	1.790	680	1.110	1.110	-	600	130	470	470	-	570	250	320	320	-	620	300	320	320	-				
1	Hỗ trợ trang thiết bị, cơ sở vật chất, hoạt động mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em tại cơ sở, mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp huyện; Văn phòng tư vấn trẻ em cấp huyện	810	-	810	810	-	270	-	270	270	-	270	-	270	270	-	270	-	270	270	-				
2	Thiết lập mạng lưới kết nối với tổng đài quốc gia thực hiện quy trình tiếp nhận và xử lý liên cấp, liên ngành thông tin, thông báo tố giác tội phạm xâm hại trẻ em.	180	180	-	-	-	30	30	-	-	-	50	50	-	-	-	100	100	-	-	-				
3	Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp các trường hợp trẻ em bị xâm hại, bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.	600	300	100	100	-	200	100	100	100	-	200	100	100	-	-	200	100	100	-	-				
4	Thực hiện mô hình kết nối, chuyển gửi, tìm gia đình chăm sóc thay thế cho các đối tượng trẻ em bị xâm hại, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; xây dựng, triển khai, duy trì mô hình thí điểm chăm sóc thay thế cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; tổ chức giám sát và hỗ trợ kỹ thuật về thực hiện quy trình, tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	400	200	200	200	-	100	-	100	100	-	150	100	50	50	-	150	100	50	50	-				
1	Nâng cao năng lực quản lý, cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; năng lực của cha, mẹ và người chăm sóc về bảo vệ trẻ em	1.654	264	1.390	1.390	-	494	164	330	330	-	630	100	530	530	-	530	-	530	530	-				



TT	Nội dung	Tổng cộng	NSTW	Tổng NSĐP	Trong đó		Năm 2018					Năm 2019					Năm 2020				
					NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS ĐP	Trong đó		Tổng	NSTW	NS ĐP	Trong đó		Tổng	NSTW	NS ĐP	Trong đó	
										NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện
1	Xây dựng chương trình, tài liệu nâng cao năng lực, kỹ năng bảo vệ trẻ em	300		300	300	-	100		100	100		100	-	100	100		100	-	100	100	
2	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức, người làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em cấp tỉnh, huyện	290	50	240	240	-	80		80			130	50	80	80		80	-	80	80	
3	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, ban bảo vệ trẻ em và đội ngũ cộng tác viên cấp xã	300	-	300	300	-	100		100			100	-	100	100		100		100	100	
4	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ cung cấp dịch vụ, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, cộng tác viên	200	50	150	150	-	50		50			100	50	50	50		50	-	50	50	
5	Tập huấn, truyền thông chuyển đổi hành vi, cung cấp kỹ năng bảo vệ trẻ em cho cha mẹ, người chăm sóc trẻ em	382	82	300	300	-	182	82	100	100		100		100	100		100		100	100	
6	Tập huấn, truyền thông về kỹ năng phòng ngừa nguy cơ, tự bảo vệ cho trẻ em	382	82	300	300	-	182	82	100	100		100		100	100		100		100	100	
III	Hệ thống cơ sở dữ liệu về bảo vệ trẻ em	7.247	2.945	4.302	600	3.702	2.349	915	1.434	200	1.234	2.449	1.015	1.434	200	1.234	2.449	1.015	1.434	200	1.234
1	Duy trì, vận hành, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về trẻ em	6.747	2.745	4.002	300	3.702	2.249	915	1.334	100	1.234	2.249	915	1.334	100	1.234	2.249	915	1.334	100	1.234
2	Đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu trẻ em cấp huyện, xã	500	200	300	300	-	100		100			200	100	100	100		200	100	100	100	
VI	Quản lý, giám sát thực hiện chương trình	70	18	52	52	-	30	18	12	12		20	-	20	20		20	-	20	20	

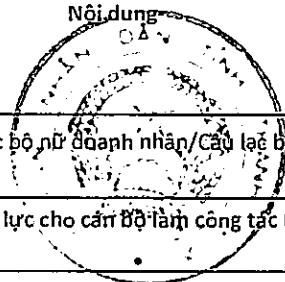


### Dự toán kinh phí Dự án 3: Thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới

(Kèm theo Kế hoạch số: 71 /KH-UBND ngày 02 /4/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng cộng	NS địa phương	NS TW	Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020					
					Tổng	NS địa phương		NS TW	Tổng	NS địa phương		NS TW	Tổng	NS địa phương		
						NS tỉnh	NS huyện			NS tỉnh	NS huyện			NS tỉnh	NS huyện	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	1.455	885	570	445	225	30	190	495	275	30	190	515	295	30	190
1	Truyền thông, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới	270	-	270	90	-		90	90	-		90	90	-		90
	Truyền thông gắn tập huấn nâng cao về nhận thức về bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới phù hợp với từng nhóm đối tượng như trường học, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư chú trọng tuyên truyền tại các xã miền núi, xã đặc biệt khó khăn.	270	-	270	90	-		90	90			90	90			90
2	Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo và cơ quan dân cử	200	110	90	60	30		30	60	30		30	80	50		30
2.1	Nâng cao năng lực và trách nhiệm cho nữ cán bộ dân cử, nữ cán bộ quản lý lãnh đạo các cấp, nữ cán bộ trong diện quy hoạch kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng quản lý lãnh đạo và các kỹ năng mềm khác	90	-	90	30	-		30	30			30	30			30
2.2	Tổ chức các diễn đàn đối và hội thảo giữa các nữ đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và lãnh đạo nữ	110	110	-	30	30			30	30			50	50		
3	Hỗ trợ thực hiện cung cấp các dịch vụ hỗ trợ về bình đẳng giới tại Trung tâm Công tác xã hội	150	150	-	50	50			50	50			50	50		
	Chi hỗ trợ đối tượng và thu thập số liệu, thông tin về đối tượng	150	150	-	50	50			50	50			50	50		
4	Cung cấp dịch vụ phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới	330	240	90	110	50	30	30	110	50	30	30	110	50	30	30
4.1	Hỗ trợ Mô hình địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh tại cộng đồng (Thực hiện thí điểm 3 Mô hình tại huyện Đông Sơn, Như Xuân và thị xã Bỉm Sơn)	180	90	90	60		30	30	60		30	30	60		30	30
4.2	Triển khai thí điểm Mô hình thành phố an toàn và thân thiện đối với phụ nữ và trẻ em gái	150	150	-	50	50			50	50			50	50		
5	Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong lĩnh vực lao động, việc làm	225	225	-	75	75			75	75		-	75	75		-
5.1	Tập huấn nâng cao kỹ năng khởi sự, quản lý doanh nghiệp cho nữ doanh nhân làm chủ doanh nghiệp và phụ nữ có nhu cầu thành lập doanh nghiệp vừa và nhỏ	90	90	-	30	30			30	30			30	30		



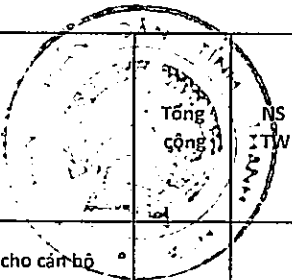
TT	Nội dung	Tổng cộng	NS địa phương	NS TW	Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020					
					Tổng	NS địa phương		NS TW	Tổng	NS địa phương		NS TW	Tổng	NS địa phương		NS TW
						NS tỉnh	NS huyện			NS tỉnh	NS huyện			NS tỉnh	NS huyện	
5.2	Xây dựng thí điểm Câu lạc bộ nữ doanh nhân/Câu lạc bộ nữ công nhân nhân nhà trọ	135	135	-	45	45			45	45			45	45		
6	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác QLNN về bình đẳng giới	120	-	120	40			40	40			40	40			40
7	Thu thập và xây dựng cơ sở dữ liệu về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	100	100	-					50	50			50	50		
8	Kiểm tra, giám sát	60	60	-	20	20			20	20			20	20		

## Dự toán kinh phí Dự án 4: Phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ người cai nghiện ma túy, người bán dâm và nạn nhân bị mua bán

(Kèm theo Kế hoạch số: 71 /KH-UBND ngày 02 /4/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng cộng	NS TW	NS ĐP	Trong đó		Năm 2018					Năm 2019					Năm 2020				
					NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NS TW	NS ĐP	Trong đó		Tổng	NS TW	NS ĐP	Trong đó		Tổng	NS TW	NS ĐP	Trong đó	
										NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện
	<b>TỔNG CỘNG</b>	10.567	3.950	6.617	6.007	610	3.357	1.350	2.007	2.007		3.600	1.300	2.300	2.000	300	3.610	1.300	2.310	2.000	310
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các cơ sở cai nghiện	500	500	-	-	-	500	500				-		-							
2	Hỗ trợ người nghiện ma túy, người bán dâm, nạn nhân bị mua bán học nghề, tìm việc làm	300	-	300	200	100	-					150		150	100	50		150	100	50	
3	Hỗ trợ xây dựng thí điểm các mô hình điều trị nghiện ma túy, người bán dâm và nạn nhân bị mua bán tại cộng đồng	2.610	1.100	1.510	1.250	260	450	200	250	250		1.150	400	750	600	150	1.010	500	510	400	110
1	Xây dựng các điểm tư vấn, chăm sóc, hỗ trợ điều trị nghiện tại cộng đồng	680	300	380	300	80	200	100	100	100		230	100	130	100	30	250	100	150	100	50
2	Xây dựng các mô hình cung cấp dịch vụ hỗ trợ người nghiện ma túy tại cộng đồng	660	350	310	250	60	100	50	50	50		230	100	130	100	30	330	200	130	100	30
3	Xây dựng các mô hình cung cấp dịch vụ hỗ trợ người bán dâm tại cộng đồng	670	250	420	350	70	100	50	50	50		340	100	240	200	40	230	100	130	100	30
4	Xây dựng các mô hình cung cấp dịch vụ hỗ trợ nạn nhân bị mua bán tại cộng đồng	600	200	400	350	50	50		50	50		350	100	250	200	50	200	100	100	100	
4	Nâng cao năng lực đội ngũ công chức, viên chức và cộng tác viên	2.500	950	1.550	1.450	100	800	250	550	550		900	400	500	400	50	850	300	550	500	50
1	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ công chức, viên chức, nhân viên và cộng tác viên về kiến thức phòng chống tệ nạn ma túy	1.050	400	650	500	150	300	100	200	200		400	200	200	100	100	350	100	250	200	50
2	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ công chức, viên chức, nhân viên và cộng tác viên về kiến thức, kỹ năng phòng, chống tệ nạn mại dâm	900	300	600	600	-	300	100	200	200		300	100	200	200		300	100	200	200	



TT	Nội dung	Tổng cộng	NS TW	NS ĐP	Trong đó		Năm 2018					Năm 2019					Năm 2020				
					NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NS TW	NS ĐP	Trong đó		Tổng	NS TW	NS ĐP	Trong đó		Tổng	NS TW	NS ĐP	Trong đó	
										NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện
4.3	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ công chức, viên chức, nhân viên và cộng tác viên về kiến thức hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về cộng đồng	600	250	350	350	-	200	50	150	150	200	100	100	100	200	100	100	100			
S	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác tư vấn cai nghiện, phòng chống tệ nạn mại dâm và nạn nhân bị mua bán trở về cộng đồng	2.400	600	1.800	1.800	-	800	200	600	600	800	200	600	600	800	200	600	600			
5.1	Tập huấn kỹ năng tư vấn cai nghiện, dự phòng cai nghiện, phòng chống tệ nạn mại dâm và hộ trợ nạn nhân bị mua bán trở về cộng đồng cho đội công tác xã hội tình nguyện	1.200	300	900	900	-	400	100	300	300	400	100	300	300	400	100	300	300			
5.2	Tập huấn kỹ năng tư vấn cai nghiện, dự phòng cai nghiện, phòng chống tệ nạn mại dâm và hộ trợ nạn nhân bị mua bán trở về cộng đồng cho cán bộ xã, phường trọng điểm	1.200	300	900	900	-	400	100	300	300	400	100	300	300	400	100	300	300			
6	Truyền thông nâng cao nhận thức về công tác phòng, chống ma túy, mại dâm và nạn nhân bị mua bán tại cộng đồng	1.057	400	657	507	150	357	50	307	307	350	200	150	100	50	350	150	200	100	100	
6.1	Tuyên truyền qua báo, đài	420	200	220	120	100	120		120	120	150	100	50		50	150	100	50		50	
5.2	Tổ chức chiến dịch truyền thông nhân ngày phòng chống ma túy 26/6	87	-	87	37	50	37		37	37	-		-		50		50			50	
5.3	Sản xuất các sản phẩm truyền thông như tờ rơi, pa nô, băng rôn, sổ tay hướng dẫn, tài liệu	650	200	450	350	100	200	50	150	150	250	100	150	100	50	200	50	150	100	50	
7	Điều tra, rà soát nhu cầu điều trị nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện, người bán dâm và nạn nhân bị mua bán trở về cộng đồng	200	100	100	100	-	150	50	100	100	-		-		50	50	-				
8	Kiểm tra, giám sát	1.100	300	800	800	-	300	100	200	200	400	100	300	300	400	100	300	300			